

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1TS** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02215** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Soạn thảo văn bản**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997			5	8	9.0	8.0			8.0		7.9
2	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982			10	10	9.0	10.0			9.0		9.3
3	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962			7	9	8.0	8.0			6.5		7.1
4	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972			6	7	8.0	7.0			8.5		8.0
5	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985			8	9	9.0	9.0			7.0		7.7
6	2253801012805	Nguyễn Văn	Hậu	25/05/2002			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
7	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988			9	10	8.0	9.0			6.0		7.1
8	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001			8	9	0.0	8.0			7.5		6.7
9	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993			8	10	8.0	8.0			7.0		7.5
10	2253801012813	Lê Nhựt Diệu	Lành	07/07/2006			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992			9	9	9.0	9.0			8.5		8.7
12	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988			10	8	8.0	8.0			9.0		8.7
13	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973			7	9	9.0	9.0			8.5		8.6
14	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001			9	10	8.0	8.0			9.0		8.8
15	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001			8	10	9.0	9.0			8.0		8.4
16	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968			8	9	8.0	9.0			8.0		8.2

Châu Đốc, ngày 28 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà